

CÔNG TY TNHH NÔNG SẢN SẠCH T & H

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN NHÀ MÁY TRÁI CÂY SẠCH T & H**

Địa chỉ: thị trấn Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp



Cao Lãnh, tháng 12 năm 2022

CÔNG TY TNHH NÔNG SẢN SẠCH T & H

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN NHÀ MÁY TRÁI CÂY SẠCH T & H

Địa chỉ: Thị trấn Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ



Lê Quốc Trung

Cao Lãnh, tháng 12 năm 2022

MỤC LỤC

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	3
DANH MỤC HÌNH	4
DANH MỤC BẢNG	5
CHƯƠNG I THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	5
1. Tên chủ dự án đầu tư:.....	5
2. Tên dự án đầu tư:	5
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của dự án đầu tư.....	6
3.1. Công suất của dự án:.....	6
3.2. Các hạng mục công trình của dự án:	8
3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư:	10
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư:	10
4.1. Nhu cầu nguyên liệu, nhiên liệu:.....	11
4.2. Hóa chất sử dụng:	11
4.3. Nhu cầu sử dụng nước:.....	11
4.4. Nhu cầu cấp điện:.....	12
CHƯƠNG II SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	13
1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường	13
2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường	13
CHƯƠNG III HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ	15
1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật	15
1.1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường.....	15
1.2. Dữ liệu về hiện trạng tài nguyên sinh vật.....	20
1.3. Đối tượng nhạy cảm về môi trường gần nhất có thể bị tác động bởi dự án.....	20
2. Môi trường tiếp nhận nước thải của dự án	20
2.1. Mô tả đặc điểm tự nhiên khu vực dự án.....	20
2.2. Chất lượng nguồn tiếp nhận nước thải	21

CHƯƠNG IV ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....23

1. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường giai đoạn thi công xây dựng dự án.....23
2. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường giai đoạn dự án đi vào vận hành.....23
 - 2.1. Về công trình, biện pháp xử lý nước thải 23
 - 2.2. Về công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn..... 26
 - 2.3. Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung, bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật về môi trường 29
 - 2.4. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành:29
 - 2.5. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường 30
3. Nhận xét mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo31

CHƯƠNG V NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....32

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:.....32
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:33

Chương VI KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN.....34

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư 34
 - 1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm..... 34
 - 1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý các công trình, thiết bị xử lý chất thải..... 34
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.....35
 - 2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ.....35
 - 2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải.35
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.....36

CHƯƠNG VII CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....37

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

TNHH:	Trách nhiệm hữu hạn
NĐ-CP:	Nghị định Chính phủ
QH:	Quốc hội
BNNPTNT:	Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn
BXD:	Bộ xây dựng
QCVN:	Quy chuẩn Việt Nam
BTNMT:	Bộ Tài nguyên môi trường
CTR:	Chất thải rắn
CTNH:	Chất thải nguy hại

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. Quy trình sản xuất của nhà máy.....	trang 7
Hình 2 Chất lượng môi trường không khí khu vực dự án.....	trang 16
Hình 3. Diễn biến chất lượng nước mặt trên sông Tiên đoạn qua huyện Cao Lãnh (giai đoạn 2016- 2020).....	trang 18
Hình 4. Diễn biến chất lượng môi trường đất tại huyện Cao Lãnh (giai đoạn 2016 – 2020).....	trang 19
Hình 5. Sơ đồ cấu tạo hầm tự hoại 3 ngăn.....	trang 24
Hình 6. Sơ đồ quy trình xử lý nước thải.....	trang 26
Hình 7. Hướng dẫn phân loại rác sinh hoạt tại nguồn.....	trang 27
Hình 8. Vị trí xả thải vào nguồn tiếp nhận của dự án.....	trang 32

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. Các hạng mục công trình của dự án.....	trang 8
Bảng 2: Danh mục máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất của dự án.....	trang 9
Bảng 3. Nhu cầu nguyên, nhiên liệu, vật liệu trong quá trình sản xuất.....	trang 11
Bảng 4. Hiệu suất xử lý chất ô nhiễm khi qua bể tự hoại.....	trang 24
Bảng 5. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh khi dự án hoạt động.....	trang 28
Bảng 6. Danh mục công trình, biện pháp BVMT của dự án.....	trang 30
Bảng 7. Tóm tắt dự toán kinh phí đối với từng công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án.....	trang 31
Bảng 8. Các chất ô nhiễm trong nước thải sản xuất và giá trị giới hạn.....	trang 33

CHƯƠNG I THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Tên chủ dự án đầu tư:

- Chủ dự án đầu tư: Công ty TNHH Nông sản sạch T & H
- Địa chỉ văn phòng: số 389, Nguyễn Trãi, khóm Mỹ Tây, thị trấn Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ dự án đầu tư: Ông Lê Quốc Trung.
- Điện thoại: 0919 797908
- Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một Thành viên, mã số doanh nghiệp: 1402180114 do Phòng Đăng ký Kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.

2. Tên dự án đầu tư:

- Tên dự án đầu tư: Nhà máy trái cây sạch T & H
- Địa điểm thực hiện dự án đầu tư: khóm Mỹ Tây, thị trấn Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
- Khu đất thực hiện dự án do Chủ dự án thuê lại của người dân nên không phải thực hiện thủ tục thi công nhà xưởng mà chỉ thực hiện bố trí cho từng khu vực hoạt động theo thực tế dự án.
- Địa điểm thực hiện dự án: thị trấn Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, khu đất thực hiện dự án có tứ cận tiếp giáp như sau:
 - + Hướng đông: giáp đất trống.
 - + Hướng tây: giáp Quán mắm ngon Đồng Tháp.
 - + Hướng nam: giáp đường Nguyễn trãi.
 - + Hướng bắc: giáp đất trống
- Quy mô của dự án đầu tư:
 - + Dự án đầu tư thuộc nhóm C theo Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 với tổng mức đầu tư 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng).
 - + Dự án thuộc nhóm III tại phụ lục V Nghị Định 08/NĐ-CP ngày 20 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường. Do đó dự án phải thực hiện giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp phép môi trường của Ủy Ban nhân dân huyện Cao Lãnh.

Dự án đầu tư có tổng diện tích sử dụng đất là 150 m² được thuê lại từ căn nhà hiện trạng đã hoàn tất giai đoạn thi công xây dựng thuộc sở hữu của ông Nguyễn Xuân Khoa theo Hợp đồng thuê nhà ngày 01/3/2022 (Đính kèm phụ lục).

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của dự án đầu tư

3.1. Công suất của dự án:

Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy Trái cây sạch T & H, thu mua trái cây các loại nhưng phần lớn là xoài cát chu và cát hoà lộc, thực hiện các công đoạn rửa sạch và xuất bán, với tổng công suất thiết kế tối đa là 06 tấn sản phẩm/ngày tương ứng với 156 tấn/tháng (Giai đoạn 1: chủ yếu thu mua xoài cát chu và xoài cát hoà lộc, các loại trái cây khác rất ít).

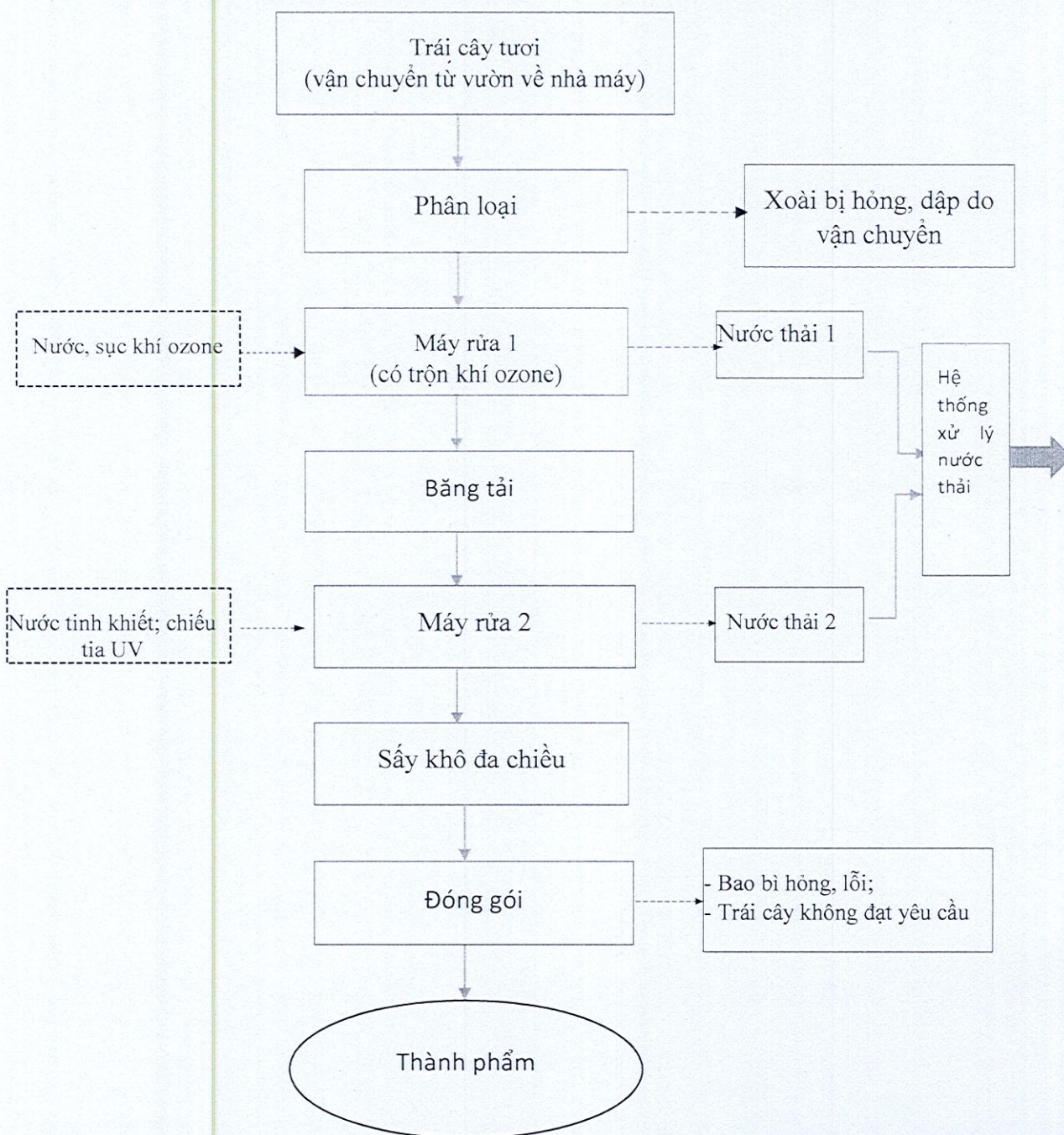
Công nghệ sản xuất của dự án: nhà máy sử dụng dây chuyền rửa trái cây có sục khí ozone và được soi chiếu qua tia UV nhằm loại bỏ hoàn toàn vi khuẩn, kết hợp sấy khô đa chiều, đảm bảo trái cây sạch trước khi đóng gói. Nguyên liệu sử dụng là trái cây tươi: xoài cát hoà lộc, xoài cát chu, thanh long, quýt,.. và thành phẩm của nhà máy là trái cây sạch đóng gói theo quy cách trước khi xuất bán cho đơn vị có nhu cầu.

Để thực hiện đúng tiêu chí “trái cây sạch” của nhà máy, đòi hỏi độ an toàn vệ sinh cực cao, vì nó ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của người tiêu dùng. Chính vì vậy, ở bất kể quá trình nào cũng đều cần phải đảm bảo yêu cầu an toàn vệ sinh thực phẩm, do đó nhà máy sử dụng nguồn nước sạch, tinh khiết cho dây chuyền sản xuất là nước cấp thủy cục sau khi qua hệ thống RO để xử lý, nước tinh khiết sau khi qua hệ thống RO được đưa vào máy 2 (khoảng 40% nước cấp vào hệ thống), đồng thời nước loại bỏ ra từ quy trình xử lý RO (khoảng 60% nước cấp vào hệ thống) được đưa vào máy 1 để tiếp tục sục khí ozone đưa vào quy trình sản xuất của nhà máy.

- Quy trình sản xuất: trái cây các loại được vận chuyển về xưởng -> Phân loại -> đưa lên máy rửa 1 rửa bằng bọt khí có trộn khí Ozone - > Chuyển lên máy rửa 2 phun nước áp lực và sấy khí ráo bề mặt -> Đóng gói -> xuất bán.

Quy trình công nghệ sản xuất cụ thể như sau:

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Nhà máy trái cây sạch T & H”
Chủ dự án: Công ty TNHH Nông sản sạch T & H



Hình 1. Quy trình sản xuất của nhà máy

* Thuyết minh quy trình công nghệ sản xuất tại dự án:

Đầu tiên Công ty sẽ khảo sát, xem qua một số nhà vườn trồng trái cây theo nhu cầu đơn hàng: xoài cát chu, cát hoà lộc, thanh long,... sau đó chọn những nhà vườn phù hợp với yêu cầu của Công ty.

Sau khi lựa chọn được những nhà vườn phù hợp thì sẽ tiến hành lấy mẫu đất và nước tại vườn xoài để kiểm tra, phân tích, đo đạc chất lượng. Qua đó, Công

ty cùng với người nông dân đưa ra phương án sử dụng các loại phân hữu cơ sao cho phù hợp nhất với từng loại đất và từng giai đoạn xoài từ lúc ra hoa đến lúc đậu quả. Quá trình này được nhân viên Công ty giám sát thường xuyên và hướng dẫn nhà vườn chọn, giữ lại trái với số lượng đảm bảo chuẩn nhất trên mỗi bông để bao trái, nhằm tạo điều kiện những quả này được phát triển tốt nhất, khi trái cây đã phát triển đến giai đoạn trưởng thành thì nhân viên kỹ thuật sẽ áp dụng biện pháp test quả nhằm biết độ tuổi để xác định thời điểm thu hoạch. Khi trái cây đã đúng tuổi sẽ được nhân viên Công ty trực tiếp thu hoạch và vận chuyển trái cây nguyên liệu về nhà máy.

Tại đây một lần nữa, trái cây được phân loại bởi các nhân viên lành nghề, chọn ra những quả xoài đạt yêu cầu để đưa vào quy trình xử lý tự động. Tại đây, trái cây được nhân viên đưa vào máy rửa 1, rửa bằng bọt khí có trộn khí Ozone để loại bỏ bụi bẩn và côn trùng bám trên bề mặt quả xoài, tiếp đến xoài được chuyển qua hệ thống băng tải đến máy rửa 2 quả xoài được phun cao áp bằng nước lọc tinh khiết đã qua xử lý, tiếp đến được soi chiếu qua tia UV nhằm loại bỏ hoàn toàn vi khuẩn cứng đầu nhất và cuối cùng là công đoạn sấy khô đa chiều.

Xoài được đưa tự động vào phòng đóng gói, mỗi quả xoài sẽ được cấp 01 mã khai sinh, được nhân viên bao gói từng trái tiếp đến đóng hộp một cách chính chu nhất, quy cách mỗi hộp nặng 2,2kg, 12 hộp sẽ đóng thành 1 kiện được kê trên các balet nhựa.

Sau đó trái cây sạch thành phẩm sẽ được vận chuyển bằng xe chuyên dụng đến các đại lý phân phối, các đơn vị có nhu cầu.

3.2. Các hạng mục công trình của dự án:

Dự án được thực hiện trên khu đất có tổng diện tích là 150 m², nhà xưởng được xây dựng kiên cố, Công ty hợp đồng thuê lại của hộ dân để thực hiện dự án, trong đó:

Bảng 1. Các hạng mục công trình của dự án:

STT	Hạng mục công trình	Diện tích (m ²)	Ghi chú
I	Công trình chính		
1	Văn phòng và Phòng test mẫu	5,25	Đã xây dựng
2	Phòng đóng gói	13,3	Đã xây dựng
3	Khu vực dây chuyền rửa cao áp – sấy – UVC	11,0	Đã xây dựng
4	Khu vực phân loại	8,75	Đã xây dựng

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Nhà máy trái cây sạch T & H”
 Chủ dự án: Công ty TNHH Nông sản sạch T & H

	nguyên liệu đầu vào		
5	Khu vực đặt máy lọc nước	4,0	Đã xây dựng
6	Khu vực nguyên liệu đầu vào	13,75	Đã xây dựng
7	Kho lạnh	11,25	Đã xây dựng
8	Kho bao bì	9,0	Đã xây dựng
II Công trình phụ, công trình bảo vệ môi trường			
9	Khu vực bố trí chất thải rắn sản xuất	3,0	Đã xây dựng
10	Khu vực xử lý nước thải	3,75	Đã xây dựng
11	Khu vực nhà vệ sinh	3,6	Đã xây dựng
12	Còn lại là khu vực giao dịch, lối đi,...	63,35	
	Tổng	150 m²	

Bảng 2: Danh mục máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất của dự án

STT	Hạng mục công trình	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Dây chuyền rửa cao áp – sấy – UVC	Dây chuyền	01	Trang bị mới
2	Máy đóng kiện	cái	01	Trang bị mới
3	Máy vi tính	Bộ	01	Trang bị mới
4	Máy lạnh	cái	02	Trang bị mới
5	Máy quạt	cái	01	Trang bị mới
6	Xe đẩy tay Inox	xe	02	Trang bị mới
7	Bàn Inox (1,2m x 2,2m)	cái	02	Trang bị mới

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Nhà máy trái cây sạch T & H”
Chủ dự án: Công ty TNHH Nông sản sạch T & H

8	Bồn nước Inox 01m ³	cái	01	Trang bị mới
9	Bình chữa cháy	bình	02 (01 bình CO ₂ , 01 bình bột)	Trang bị mới
10	Hệ thống lọc thô	Bộ	01	Trang bị mới
11	Máy lọc RO	Máy	01	Trang bị mới
12	Balet nhựa	cái	40	Trang bị mới

** Hoạt động của nhà máy:*

- Thời gian làm việc: 16 giờ/ngày được chia thành 02 ca, 6 ngày/tuần, tương đương với thời gian làm việc 26 ngày/tháng, cụ thể:

+ Ca ngày: từ 7 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút (nghỉ giữa ca 2 tiếng).

+ Ca đêm : từ 18 giờ 00 phút đến 06 giờ 00 phút sáng hôm sau (nghỉ giữa ca 02 tiếng).

- Số lượng công nhân làm việc tại nhà máy: 16 lao động, tất cả là lao động địa phương.

3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư:

Sản phẩm chính của dự án đầu tư là: trái cây sạch được bao gói theo quy cách, bao gồm: xoài cát hoà lộc, xoài cát chu, thanh long,... Trái cây được bao bằng túi xếp lưới từng sản phẩm, sau đó đóng hộp, mỗi hộp có trọng lượng 2,2 kg.

Tổng khối lượng sản phẩm tối đa theo quy trình sản xuất tại nhà máy là 06 tấn sản phẩm/ngày, tương đương với 156 tấn sản phẩm/tháng.

Trái cây sạch được bao gói từng trái bằng túi xếp lưới loại màu trắng với nhiều loại kích cỡ phù hợp với từng loại trái cây, túi được làm theo hình lưới mắt cáo, có độ giãn nở theo kích thước của trái quả, độ đàn hồi êm ái tránh được các lực cơ học tác động làm vỏ trái không bị trầy xước trong quá trình vận chuyển. Xếp rất nhẹ không hề ảnh hưởng tới trọng lượng, có độ thông thoáng không làm trái cây bị hư hại do nhiệt độ.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư:

- Nhà máy trái cây sạch T & H là dự án thực hiện mới nhưng mặt bằng, nhà xưởng được Công ty thuê lại phân kho đã được xây dựng hoàn thiện để bố trí ngay dây chuyền rửa trái cây sạch, do đó nguyên, nhiên, vật liệu,... chủ yếu là trong giai đoạn vận hành dự án.

- Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước với chủng loại và số lượng như sau:

4.1. Nhu cầu nguyên liệu, nhiên liệu:

Bảng 3. Nhu cầu nguyên, nhiên liệu, vật liệu trong quá trình sản xuất

Stt	Nguyên, nhiên liệu	Đơn vị	Số lượng
1	Trái cây tươi	tấn/ngày	06
2	Túi xốp lưới loại màu trắng dài 15cm	kg/ngày	15
3	Thùng giấy loại đóng sản phẩm 2,2 kg	cái/ngày	2.700
4	Găng tay	Cặp/tháng	160
5	Xe chuyên chở	Xe máy, xe tải nhỏ	6
7	Khẩu trang	cái	160
8	Rổ nhựa đựng trái cây	cái	150
9	Than hoạt tính	Kg/năm	120
10	Mangan	Kg/2 năm	350
11	Đá sỏi lọc	Kg/năm	300

4.2. Hóa chất sử dụng:

- Dự án không sử dụng hoá chất gì trong quy trình sản xuất, kinh doanh của nhà máy.

- Nhà máy sử dụng than hoạt tính, mangan và sỏi nhỏ trong quy trình xử lý nước thải, ước tính khoảng 120kg/năm than hoạt tính, 350 kg/2 năm cát mangan và đá sỏi nhỏ khoảng 300kg/năm.

4.3. Nhu cầu sử dụng nước:

Nước sử dụng phục vụ cho hoạt động của dự án bao gồm:

- Nước phục vụ cho dây chuyền sản xuất: từ nguồn nước cấp thủy cục được đưa qua hệ thống thô, sau khi lọc thô nước được đưa vào hệ thống lọc RO gồm 2 loại: nước tinh khiết sau hệ thống RO và nước thải ra từ hệ thống RO, ước tính sử dụng nước khoảng 9,0 m³ nước/ngày (cứ bình quân 01 tấn trái cây thì sử dụng 1,5 m³ nước).

+ Nước tinh khiết sau khi xử lý qua hệ thống RO được đưa vào máy rửa 2, lượng nước này bằng 40% nước cấp đầu vào, tương ứng với $3,6 \text{ m}^3$ nước/ngày.

+ Nước thải ra từ quá trình xử lý qua hệ thống RO được chứa vào bồn inox có đường ống dẫn nước đưa vào máy rửa 1, lượng nước này bằng 60% nước cấp đầu vào, tương ứng với $5,4 \text{ m}^3$ nước/ngày.

- Nguồn nước sử dụng cho hoạt động sinh hoạt của công nhân và vệ sinh nhà xưởng: nguồn nước từ mạng lưới cấp nước của khu vực. Nhu cầu cấp nước chủ yếu cho sinh hoạt của người lao động và trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh (rửa xoài, vệ sinh sàn khu vực dây chuyền sản xuất,..),

+ Nước cấp sinh hoạt 16 người (trong đó có 02 người lưu trú): sử dụng từ nguồn nước cấp thủy cục của địa phương: $02 \text{ người} \times 100 \text{ lít/người/ngày} = 200 \text{ lít/người/ngày} = 0,2 \text{ m}^3/\text{ngày}$; $14 \text{ người} \times 50 \text{ lít/người/ngày} = 700 \text{ lít/người/ngày} = 0,7 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Tổng nhu cầu cấp nước sinh hoạt: $0,9 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

+ Nước sử dụng vệ sinh nhà xưởng, rửa trang thiết bị máy móc không nhiều ước tính khoảng $0,1 \text{ m}^3$ nước/ngày.

Như vậy, lượng nước cấp cho sinh hoạt và sản xuất của dự án làm phát sinh nước thải với tổng nhu cầu sử dụng nước 10 m^3 nước/ngày (tính lượng nước sử dụng vào thời điểm cao nhất tương ứng 06 tấn trái cây/ngày).

4.4. Nhu cầu cấp điện:

Sử dụng nguồn điện từ mạng lưới điện quốc gia để phục vụ chiếu sáng, sinh hoạt công nhân và phục vụ dây chuyền sản xuất của dự án. Ước tính lượng điện tiêu thụ cho hoạt động của dự án hàng tháng khoảng 1.200 kw/tháng .

CHƯƠNG II

SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Dự án phù hợp với các văn bản sau về quy hoạch bảo vệ môi trường:

Phù hợp với Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH 14 ngày 17/11/2020, có hiệu lực từ ngày 01/01/2022;

Phù hợp với quy định về Phân vùng môi trường được quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Cụ thể: Tuân theo Điều 22, Điều 23, Điều 25, Mục 1, Chương III của Nghị định;

Phù hợp với Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/1/2017, có hiệu lực từ ngày 01/01/2019;

Phù hợp với Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/1/2017.

Mối quan hệ của dự án với các dự án khác: Quanh khu vực dự án không có đền chùa, khu di tích lịch sử, khu du lịch và diện tích dành riêng cho an ninh quốc phòng.

2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường

Hiện trạng khu vực dự án chưa có dấu hiệu ô nhiễm môi trường. Bên cạnh đó, dự án không thuộc dự án có nguy cơ ô nhiễm môi trường cao, chất thải phát sinh với khối lượng không lớn nên môi trường xung quanh vẫn đảm bảo khả năng tiếp nhận.

Hệ thống thoát nước mưa của dự án đã được xây dựng hoàn chỉnh và được tách riêng hoàn toàn với hệ thống thu gom và thoát nước thải. Chủ đầu tư đã thực hiện đầu tư hoàn chỉnh hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt. Nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý tại bể tự hoại và tự thấm vào đất.

Cụ thể như sau: Đối với nước thải sản xuất được thu gom và xử lý tại bể xử lý nước thải trước khi thải ra cống thoát nước chung của khu vực thực hiện dự án và nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn rồi tự thấm vào đất.

- Kiểm soát nguồn ô nhiễm không khí: Hoạt động của dự án không phát sinh nguồn thải khí tập trung, không có phát sinh khí thải từ hoạt động của dây

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Nhà máy trái cây sạch T & H”
Chủ dự án: Công ty TNHH Nông sản sạch T & H

chuyên làm sạch nguyên liệu xoài, khí thải phát sinh từ hoạt động phương tiện vận chuyển đến nhà máy,...

CHƯƠNG III HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật

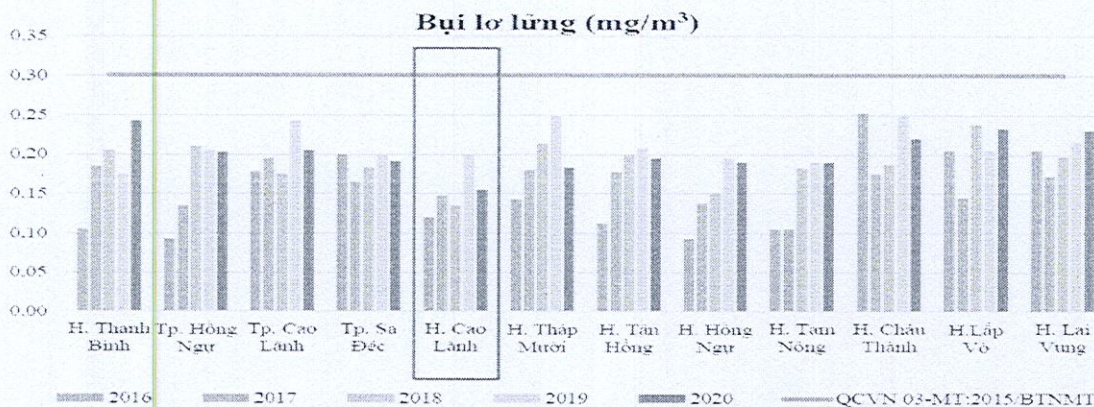
Vị trí thực hiện dự án được thực hiện tiếp giáp với Quốc lộ 30, khu vực thực hiện dự án cách xa các khu bảo tồn, khu vực sinh thái nhạy cảm nên tác động khi triển khai dự án ảnh hưởng không đáng kể đến tính đa dạng sinh học của khu vực. Mặt khác, quá trình triển khai thực hiện dự án chỉ gây ảnh hưởng chủ yếu lên các loài động - thực vật không nằm trong danh mục nguy cấp, quý hiếm.

1.1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường

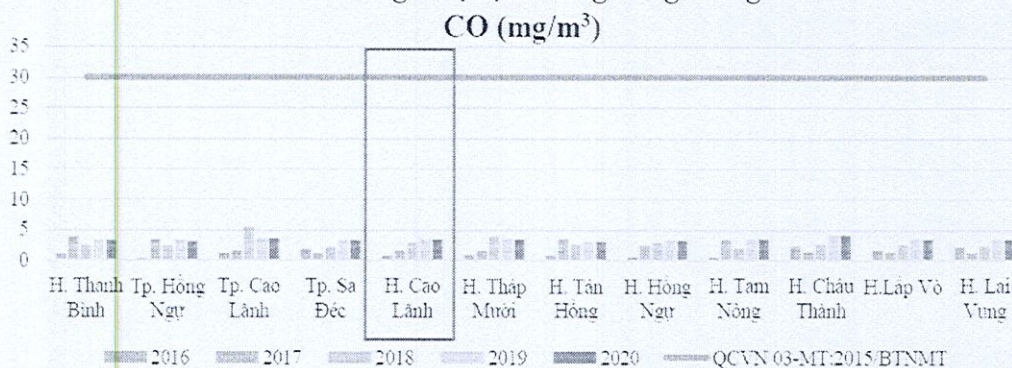
Theo “Báo cáo Hiện trạng môi trường tỉnh Đồng Tháp 05 năm giai đoạn 2016 -2020” do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp thực hiện, dữ liệu về đặc điểm các thành phần môi trường đất, nước, không khí được thể hiện cụ thể như sau:

1.1.1 Chất lượng môi trường không khí

Chất lượng môi trường không khí khu vực dự án (huyện Cao Lãnh) được thể hiện tại hình dưới đây:

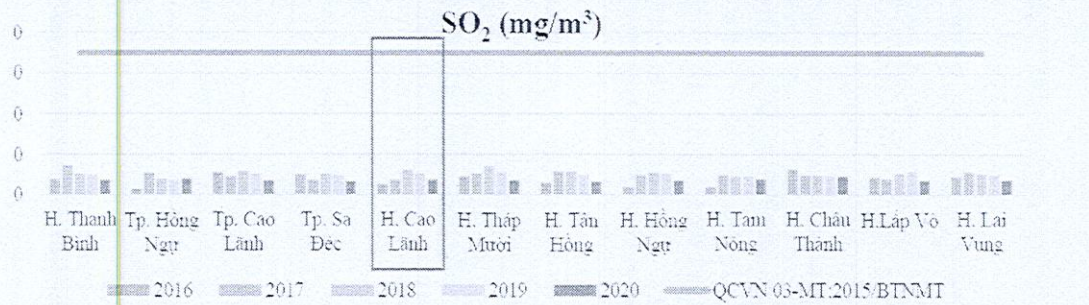


Diễn biến giá trị bụi lơ lửng trong không khí

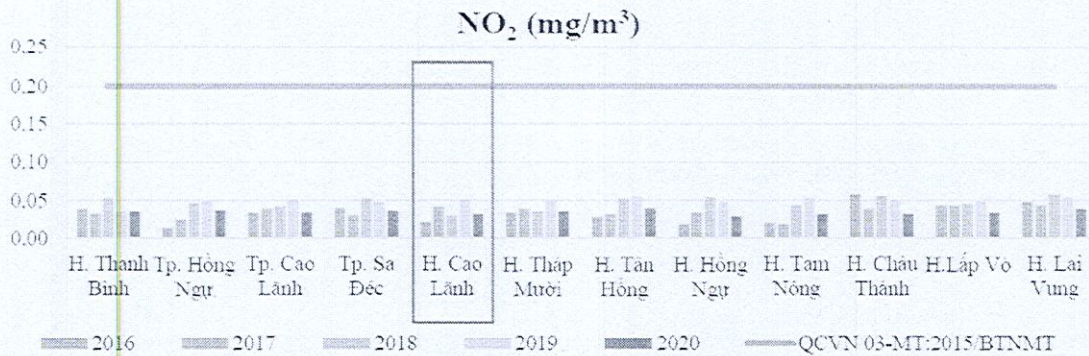


Diễn biến giá trị CO trong không khí

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Nhà máy trái cây sạch T & H”
 Chủ dự án: Công ty TNHH Nông sản sạch T & H



Diễn biến giá trị SO₂ trong không khí



Diễn biến giá trị NO₂ trong không khí

Nguồn: Báo cáo Hiện trạng môi trường tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2016 - 2020

Hình 2: Chất lượng môi trường không khí khu vực huyện Cao Lãnh

*** Nhận xét:**

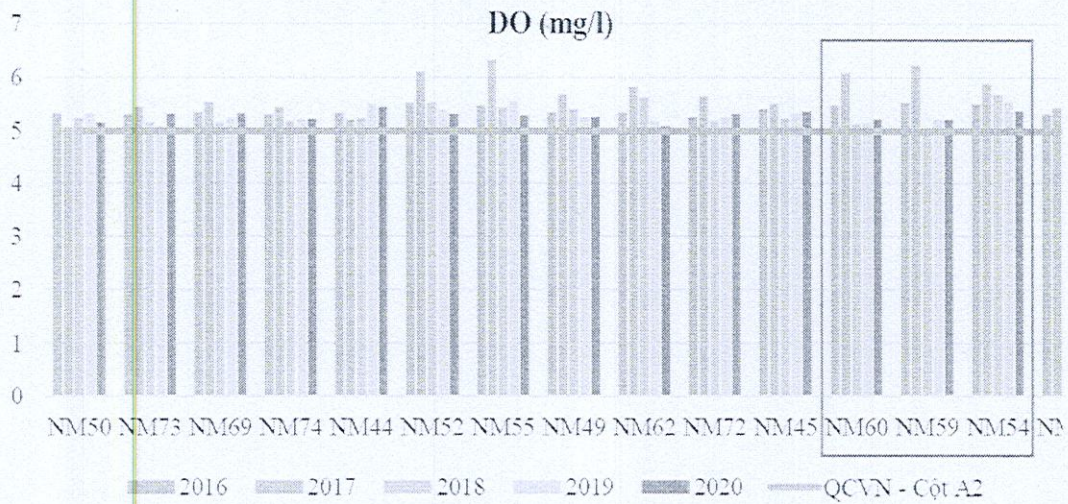
Từ kết quả quan trắc nêu trên cho thấy, chất lượng môi trường không khí khu vực dự án giai đoạn 2016 - 2020 còn tương đối tốt, các chỉ tiêu quan trắc đều có xu hướng giảm và còn thấp so với các quy chuẩn cho phép.

1.1.2. Chất lượng môi trường nước mặt

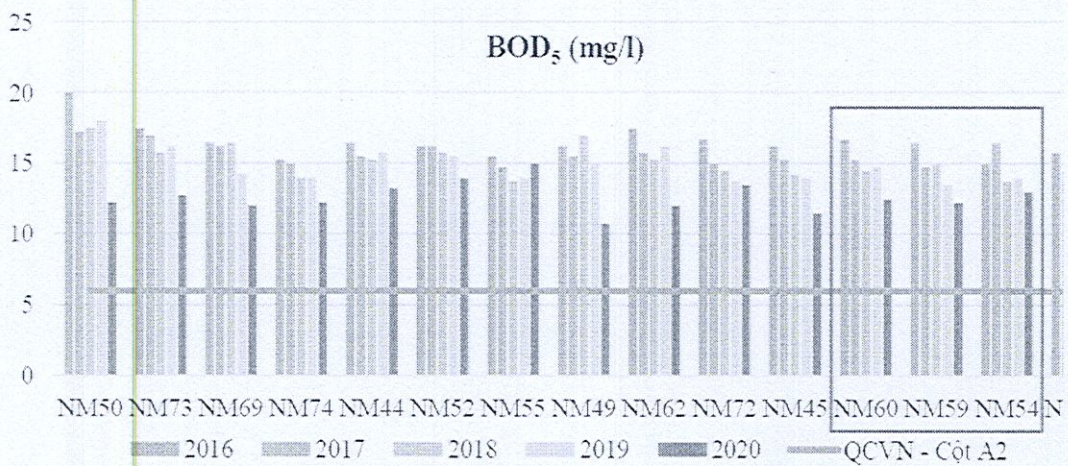
Khu vực dự án nằm cách xa các sông, chất lượng môi trường nước mặt khu vực dự án được đánh giá qua kết quả quan trắc và phân tích tại các vị trí trên sông Tiền tại các địa phương gần khu vực dự án. Cụ thể là các mẫu nước mặt: mẫu NM60 lấy trên sông Tiền thuộc xã Bình Thạnh (huyện Cao Lãnh); mẫu nước NM59 lấy trên sông Tiền thuộc xã Mỹ Hội (huyện Cao Lãnh); và mẫu NM54 lấy trên sông Tiền thuộc xã Tân Thuận Đông (thành phố Cao Lãnh).

Kết quả quan trắc môi trường nước mặt nêu trên thể hiện tại hình dưới đây:

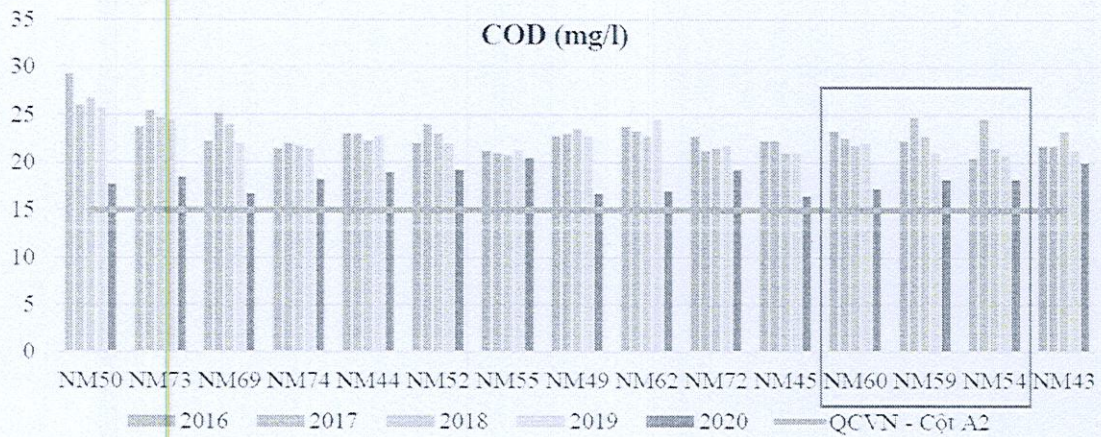
Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Nhà máy trái cây sạch T & H”
 Chủ dự án: Công ty TNHH Nông sản sạch T & H



Diễn biến thông số DO của nước mặt trên sông Tiên, gần khu vực dự án

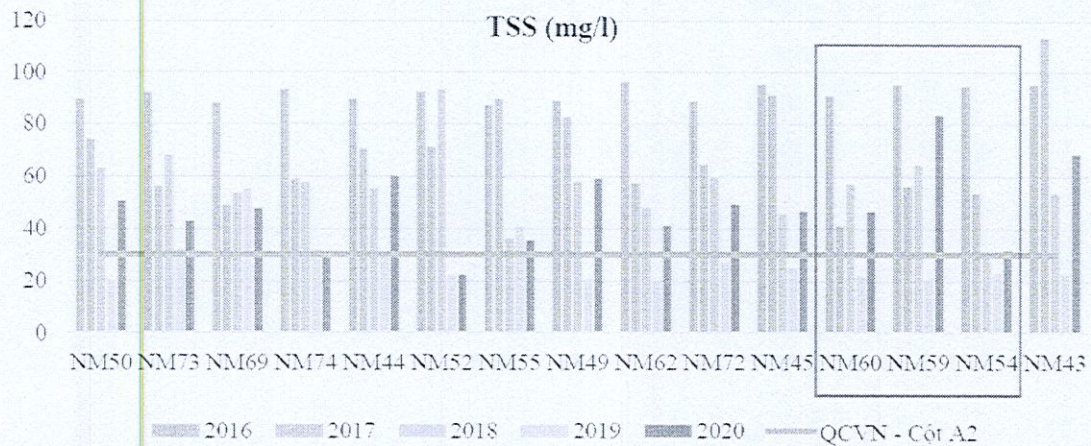


Diễn biến thông số BOD₅ của nước mặt trên sông Tiên, gần khu vực dự án



Diễn biến thông số COD của nước mặt trên sông Tiên, gần khu vực dự án

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Nhà máy trái cây sạch T & H”
 Chủ dự án: Công ty TNHH Nông sản sạch T & H



Diễn biến thông số TSS của nước mặt trên sông Tiền, gần khu vực dự án

Nguồn: Báo cáo Hiện trạng môi trường Đồng Tháp 05 năm giai đoạn 2016 - 2020

Hình 3. Diễn biến chất lượng nước mặt trên sông Tiền đoạn qua huyện Cao Lãnh (giai đoạn 2016 – 2020)

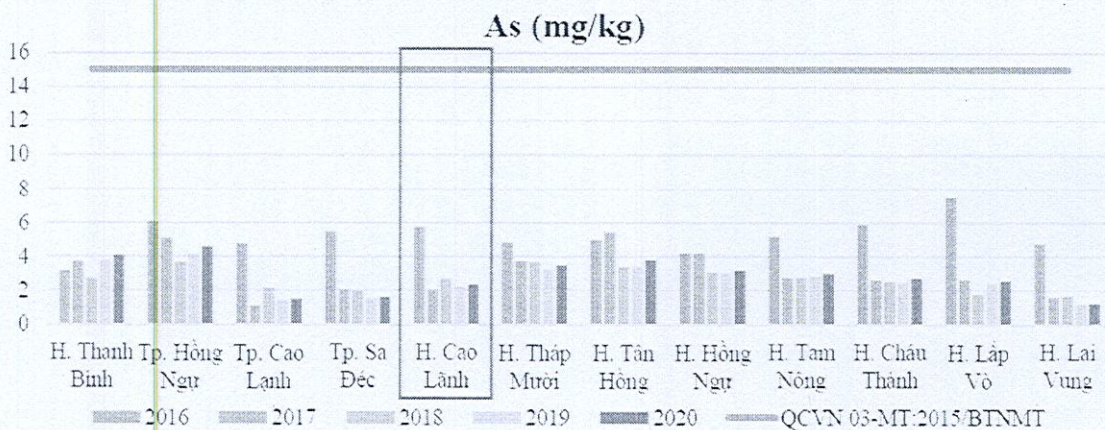
*** Nhận xét:**

Từ kết quả quan trắc nêu trên cho thấy, chất lượng môi trường nước mặt khu vực dự án giai đoạn 2016 - 2020 đã bị ô nhiễm. Các thông số BOD5, COD và TSS của nước mặt đều vượt mức quy chuẩn cho phép. Tuy nhiên, nồng độ của các chất ô nhiễm có sự giảm dần từ năm 2016 đến năm 2020.

Nguyên nhân được đánh giá là do các chất ô nhiễm hữu cơ phát sinh từ hoạt động vận chuyển chất thải sinh hoạt, các hoạt động chăn nuôi, sự thải bỏ rác thải sau thu hoạch (rơm, bã, thân, cành,...) và nước thải chưa qua xử lý thải ra sông làm gia tăng mức độ ô nhiễm nước mặt.

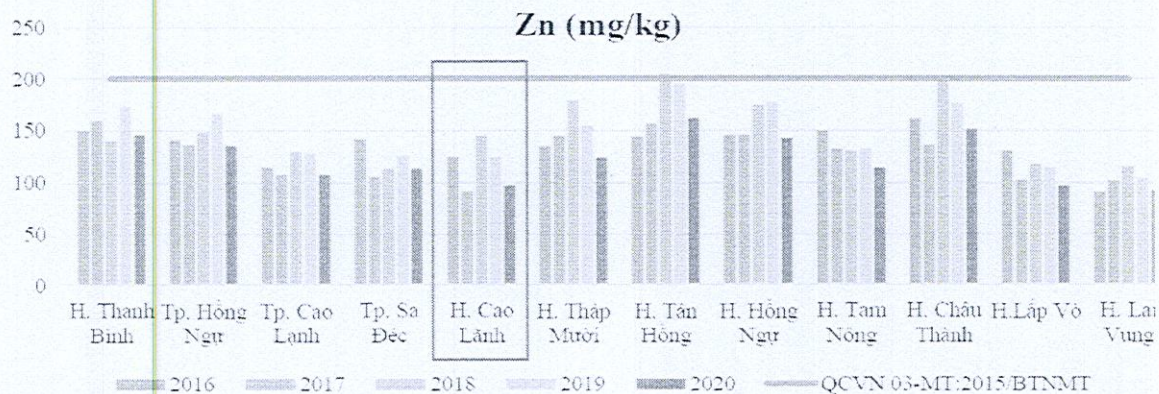
1.1.3. Chất lượng môi trường đất

Chất lượng môi trường đất khu vực dự án được thể hiện dưới đây:

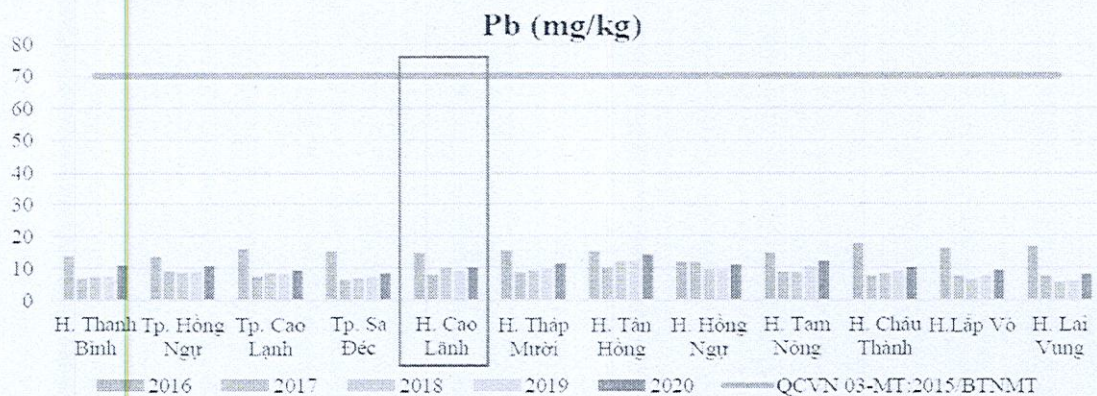


Diễn biến giá trị Asen (As) trong môi trường đất khu vực dự án

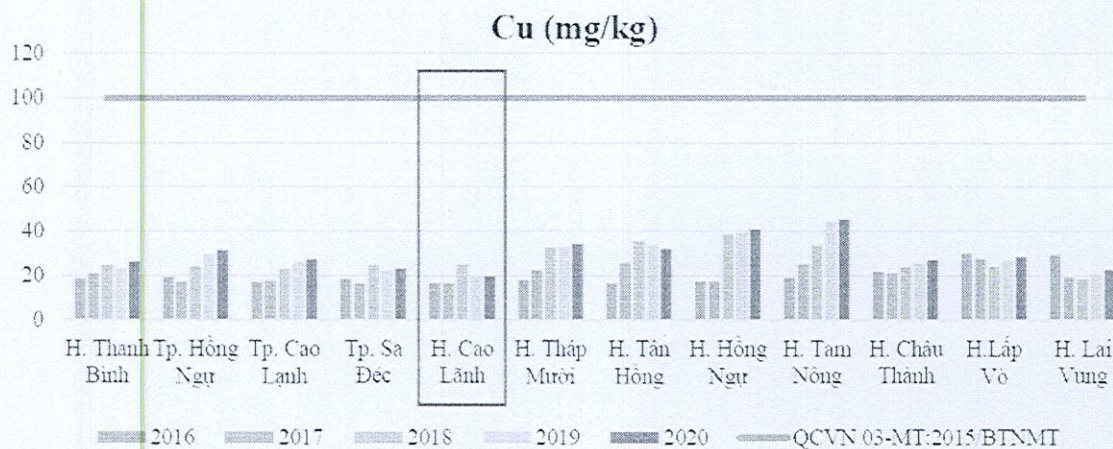
Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Nhà máy trái cây sạch T & H”
 Chủ dự án: Công ty TNHH Nông sản sạch T & H



Diễn biến giá trị Kẽm (Zn) trong môi trường đất khu vực dự án



Diễn biến giá trị Chì (Pb) trong môi trường đất khu vực dự án



Diễn biến giá trị Đồng (Cu) trong môi trường đất khu vực dự án

Nguồn: Báo cáo Hiện trạng môi trường Đồng Tháp giai đoạn 2016 - 2020

**Hình 4. Diễn biến chất lượng môi trường đất tại huyện Cao Lãnh
 (giai đoạn 2016 - 2020)**

Nhận xét: Từ kết quả quan trắc nêu trên cho thấy, chất lượng môi trường đất khu vực dự án giai đoạn 2016 - 2020 đều rất thấp và nằm trong quy chuẩn cho phép. Chất lượng môi trường đất còn rất tốt, chưa có dấu hiệu bị ô nhiễm.

1.2. Dữ liệu về hiện trạng tài nguyên sinh vật

Dự án được thực hiện tại thị trấn Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh. Khu vực xung quanh dự án chủ yếu là đất trồng cây nông nghiệp, hệ sinh thái tại đây cũng mang nét đặc trưng của hệ sinh thái nông nghiệp:

1.2.1. Hiện trạng thảm thực vật

- Đất vườn: Thường có địa hình cao, ít bị ngập úng nước, phần lớn trồng các loại cây ăn trái: chanh, ổi, mít, xoài, thanh long, đu đủ...

- Đất trồng, ao mương: bao gồm đất của đường mòn, các ao mương có sự hiện diện của các loại thực vật thủy sinh như lục bình, rau muống và các loài trên cạn như cỏ lào, vôi voi, cây bần, cây tre.

1.2.2. Hệ động vật

Xung quanh khu vực dự án không có loài động, thực vật quý hiếm nằm trong danh mục các loài động, thực vật cần bảo vệ theo thông tư 04/2017/TT-BNNPTNT ngày 24/02/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc ban hành danh mục các loài động vật, thực vật hoang dã quy định trong các phụ lục của công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.

Hiện tại trong vùng dự án, ngoài các vật nuôi trong gia đình như heo, gà, vịt... còn có các loài lưỡng thê (ếch, nhái), bò sát (rắn, rắn mối...), chim thông thường, không thuộc các loài động vật quý hiếm.

1.2.3. Hệ sinh thái dưới nước

- Nhóm cá sông (cá trắng): Nhóm này bao gồm nhiều loài cá nước ngọt có cỡ lớn nhỏ khác nhau, có nhiều vây hoặc không có vây, thân có màu trắng như: Cá chép, cá tra, cá mè.

- Nhóm cá ruộng (cá đen): một số loài cá đen như cá trê, cá lóc, cá rô thuộc nhóm cá đen, Ngoài ra, còn có một số loài cá nhập nội như cá rô phi, cá tai tượng, cá mè trắng.

1.3. Đối tượng nhạy cảm về môi trường gần nhất có thể bị tác động bởi dự án

Khu vực dự án không có yếu tố nhạy cảm môi trường theo quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP của Chính Phủ.

2. Môi trường tiếp nhận nước thải của dự án

2.1. Mô tả đặc điểm tự nhiên khu vực dự án

2.1.1. Điều kiện địa lý

Khu vực Dự án nằm trên địa bàn xã thị trấn Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh. Dự án nằm cạnh Quốc lộ, khu vực dự án cách trung tâm thành phố Cao Lãnh khoảng 6km. Đây là khu vực khá bằng phẳng, thuận tiện cả giao thông bộ và giao thông thủy.

2.1.2. Điều kiện địa chất

Dự án nằm ở phía Bắc sông Tiền trong vùng có địa hình, địa mạo tương đối bằng phẳng và bị chia cắt khá nhiều bởi các kênh rạch, mương thủy lợi. Bên cạnh đó còn có nhiều trục đường giao thông quan trọng kết nối huyện Cao Lãnh nói riêng và tỉnh Đồng Tháp nói chung ra các tỉnh lân cận và thành phố Hồ Chí Minh.

2.1.3. Điều kiện khí tượng

- Điều kiện khí tượng khu vực dự án mang tính chất chung của khí hậu tỉnh Đồng Tháp. Đây là khu vực nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa cận xích đạo, nhiệt độ cao và ổn định.

- Nhiệt độ: Nhiệt độ không khí có ảnh hưởng đến sự lan truyền và chuyển hóa các chất ô nhiễm trong không khí gần mặt đất và các nguồn nước. Nhiệt độ không khí càng cao thì tác động của các yếu tố gây ô nhiễm môi trường càng mạnh, nghĩa là tốc độ lan truyền và chuyển hóa các chất ô nhiễm trong môi trường càng lớn.

- Độ ẩm: Độ ẩm không khí cũng là một trong những yếu tố tự nhiên ảnh hưởng trực tiếp đến các quá trình chuyển hóa và phát tán các chất ô nhiễm trong khí quyển và quá trình trao đổi nhiệt của cơ thể con người.

2.2. Chất lượng nguồn tiếp nhận nước thải

Nguồn tiếp nhận nước thải của khu vực dự án là hệ thống thoát nước chung của khu vực. Đồng thời, dự án không sử dụng trực tiếp nguồn nước mặt trong khu vực cho hoạt động sản xuất kinh doanh mà sử dụng nước thủy cục từ nhà máy cấp nước Cao Lãnh. Đồng thời, nước thải sinh hoạt phát sinh tại dự án đều được thu gom, xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra môi trường.

Nước thải sinh hoạt phát sinh tại khu vực sẽ có nguy cơ gây phú dưỡng ở các thủy vực nước tĩnh và đây là nguồn gây ô nhiễm nếu không được xử lý trước khi thải ra ngoài môi trường.

Trung bình mỗi người mỗi ngày sử dụng hết khoảng 100 lít nước cho tất cả các nhu cầu sinh hoạt. Lượng nước này sau khi được con người sử dụng đã thay đổi về tính chất, chứa đựng rất nhiều thành phần gây ô nhiễm: cặn bẩn, dầu mỡ, các chất hữu cơ khó phân huỷ sinh học, thức ăn, chất thải vệ sinh, vi sinh vật gây bệnh.

Nước thải sinh hoạt có đặc trưng ô nhiễm bởi các thành phần chất hữu cơ

mà biểu hiện bằng hàm lượng COD và BOD lớn. Bên cạnh đó là các chất dinh dưỡng khác như nitơ, phốt pho và vi sinh vật.

2.3. Đơn vị quản lý công trình thủy lợi: Khu vực dự án không có nguồn thải lớn xả nước thải vào công trình thủy lợi nên dự án không có đơn vị quản lý công trình thủy lợi.

CHƯƠNG IV

ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường giai đoạn thi công xây dựng dự án

Do dự án không triển khai thi công xây dựng các công trình mà thuê lại kho hiện hữu để hoạt động. Do đó trong phạm vi báo cáo không trình bày các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường giai đoạn thi công xây dựng dự án.

2. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường giai đoạn dự án đi vào vận hành

2.1. Về công trình, biện pháp xử lý nước thải

2.1.1. Nước thải sinh hoạt:

- Nước thải sinh hoạt chủ yếu phát sinh từ quá trình rửa tay, tắm, giặt của công nhân làm việc tại dự án. Nhu cầu cấp nước sinh hoạt cho dự án phục vụ cho 16 người (trong đó có 02 người lưu trú, còn lại 14 người về nhà sau giờ tan ca). Theo QCVN 01:2021/BXD, định mức cấp nước là 100 lít/người.ngày, ước tính cho công nhân không lưu trú bằng 50% định mức.

- Nước cấp sinh hoạt 16 người (trong đó có 02 người lưu trú): sử dụng từ nguồn nước cấp thủy cục của địa phương: 02 người x 100 lít/người/ ngày = 200 lít/người/ngày = 0,2 m³/ngày; 14 người x 50 lít/người/ngày = 700 lít/người/ngày = 0,7 m³/ngày.

Tổng nhu cầu cấp nước sinh hoạt: 0,9 m³/ngày.

Biện pháp xử lý: Hiện trạng dự án hoạt động trên phần mặt bằng được thuê lại đã được xây dựng hoàn chỉnh nhà xưởng kiên cố, có nhà vệ sinh có bể tự hoại 03 ngăn có thể tích 12 m³ để thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt rồi tự thấm vào đất.

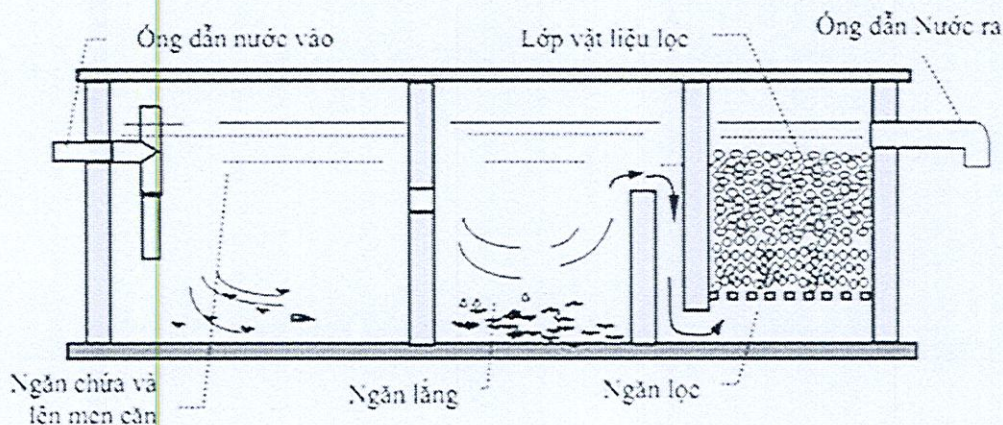
Quy trình xử lý:

+ Lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh: 0,9 m³/ngày.

+ Công nghệ xử lý: xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn.

Yêu cầu xử lý: QCVN 14:2008/BTNMT (cột B).

Quy trình vận hành: Nước thải thô → Bể tự hoại 3 ngăn → Nguồn tiếp nhận (tự thấm).



Hình 5. Sơ đồ cấu tạo hầm tự hoại 3 ngăn

Kết cấu của hầm tự hoại 3 ngăn:

+ Ngăn chứa phân: có kích thước lớn nhất, chiếm 2/3 thể tích hầm, đây là nơi tích trữ phân. Phần bùn và váng nổi bọt bị giữ lại bên ngăn chứa phân.

+ Ngăn lọc: chiếm 1/4 thể tích còn lại, nơi này chỉ nhận nước từ ngăn chứa phân đi qua bằng các lỗ thông trên vách.

+ Ngăn khử mùi: chứa than, nước từ ngăn lọc đi ngược lên trên qua than sẽ bị hấp thu mùi hôi trước khi xả ra bên ngoài.

*** Đánh giá hiệu quả:**

Bảng 4. Hiệu suất xử lý chất ô nhiễm khi qua bể tự hoại

Stt	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Nồng độ (mg/l)		QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B)	Hiệu suất xử lý (%)
			Chưa xử lý	Đã xử lý		
1	pH	-	7,5	7,4	5-9	-
2	SS	mg/L	200	46	100	63-77 ^(*)
3	BOD5	mg/L	200	24	50	87-88 ^(*)
4	Nitrat (tính theo N)	mg/L	0,5	0,12	50	76
5	Tổng phospho	mg/L	15	-	10	-
6	Tổng Coliforms	MPN/100 mL	3x10⁷	-	5.000	-

(Nguồn: Giáo trình kỹ thuật xử lý nước thải, NXB Đại học Cần Thơ, 2014)

Ghi chú: (*) Tham khảo từ PGS.TS. Hoàng Văn Huệ, Thoát nước tập 2 – Kỹ thuật xử lý nước thải.

Nhân xét: Nước thải sinh hoạt sau khi qua bể tự hoại 3 ngăn có các thông số ô nhiễm đặc trưng nằm trong giới hạn cho phép theo cột B, QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt. Nước thải sau xử lý được thoát ra môi trường ở dạng tự thấm.

Với thể tích của bể tự hoại như trên thì khả năng lưu chứa tối thiểu là 07 ngày. Theo đó, công trình bể tự hoại hiện hữu đảm bảo khả năng lưu chứa và xử lý đạt yêu cầu kỹ thuật. Để đảm bảo hiệu quả xử lý định kỳ dự án thuê đơn vị có chức năng đến hút bùn (tần suất 1 lần/năm).

Đánh giá tính khả thi: Giải pháp thực hiện là phù hợp với tính chất của loại chất thải. Bể tự hoại được sử dụng phổ biến ở nhiều nơi bởi có nhiều ưu điểm như hiệu suất xử lý ổn định, kể cả khi dòng nước thải đầu vào có dao động lớn, chiếm ít diện tích, quản lý đơn giản, dễ áp dụng.

2.1.2. Nước thải sản xuất

- Nước thải ra từ hoạt động sản xuất của nhà máy: toàn bộ lượng nước thải ra từ quy trình rửa trái cây được đưa vào hệ thống xử lý, ước tính lượng nước thải ra từ quy trình sản xuất là 9,0 m³nước/ngày, (cứ bình quân 01 tấn trái cây thì sử dụng 1,5 m³ nước), lượng nước thải bằng 100% nước sử dụng đầu vào dây chuyền sản xuất.

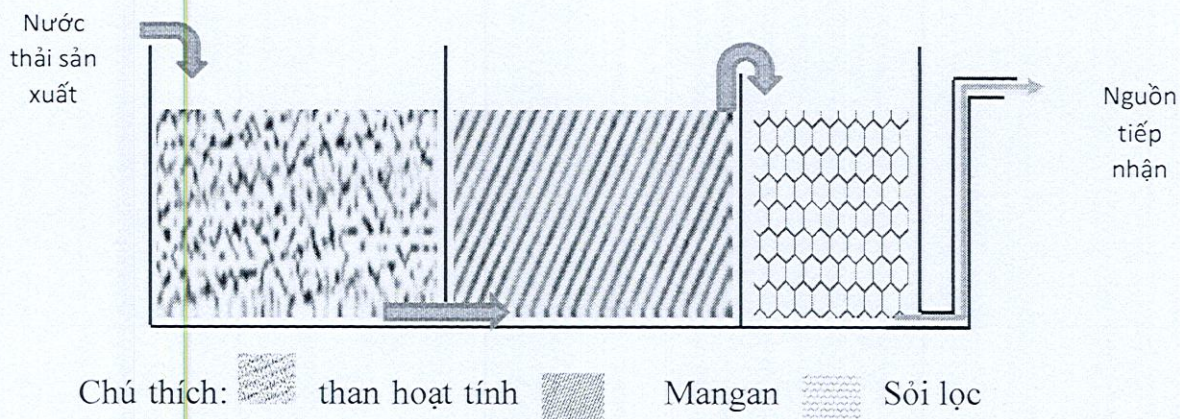
- Nước thải ra từ hoạt động vệ sinh nhà xưởng, rửa trang thiết bị máy móc, khối lượng không nhiều ước tính khoảng 0,1 m³ nước/ngày.

Như vậy, lượng nước sử dụng để phục vụ dây chuyền sản xuất của nhà máy, vệ sinh trang thiết bị,...vào thời điểm cao nhất tương ứng 06 tấn trái cây/ngày là 9,1 m³ nước/ngày. Mỗi mẻ sản xuất trái cây 500kg thải ra 0,75 m³ nước, 1 ca làm việc xả ra 6 lần tương đương 01 ngày đêm xả ra 12 lần.

Do quy trình sản xuất của nhà máy không bao gồm công đoạn chế biến, chỉ thực hiện quy trình rửa trái cây tươi đơn thuần, không cắt gọt sản phẩm, do đó nước thải từ quy trình sản xuất chủ yếu là mũ trái cây tươi còn dính lại trên trái sau khi thu hoạch. Hơn nữa công nghệ nhà máy sử dụng là rửa ướn bằng phương pháp sục khí ozone, kết hợp phun cao áp có chiếu tia UV thì hầu như loại bỏ bụi bẩn, tiêu diệt vi sinh vật gây bệnh, nước thải không chứa hàm lượng ô nhiễm chất hữu cơ cao, do đó dự án sử dụng phương pháp xử lý nước thải dùng than hoạt tính kết hợp mangan và đá sỏi để xử lý.

Biện pháp xử lý nước thải sản xuất: toàn bộ nước thải sản xuất được đưa vào bể xử lý nước thải với thể tích 1,32 m³. Nước thải được xả theo mẻ, mỗi mẻ 0,75 m³ để đảm bảo thời gian tiếp xúc giữa nước với vật liệu lọc để hấp thụ các chất ô nhiễm có trong nước thải, do nước thải từ hệ thống sục khí ozone và chiếu

tia UV nên phần lớn nấm, vi khuẩn, vi sinh gây hại,...đã được xử lý, thành phần trong nước thải chủ yếu là cặn lơ lửng và nhựa xoài.



Hình 6. Sơ đồ quy trình xử lý nước thải

* Thuyết minh quy trình:

Toàn bộ nước thải sản xuất được đưa vào quy trình xử lý bằng máy bơm có công suất 0,5 Hp. Bể xử lý chia làm 03 ngăn có thể tích $1,32 \text{ m}^3$ ($2,2 \times 1,2 \times 0,5\text{m}$). Ngăn thứ nhất thể tích $0,5 \text{ m}^3$ có chứa than hoạt tính có độ dày 40cm để hấp thụ các hợp chất hữu cơ hòa tan, các hóa chất độc hại, loại bỏ 1 số vi khuẩn, virut gây hại còn sót lại trong nước. Ngăn thứ 2 thể tích $0,5 \text{ m}^3$ được bố trí lớp mangan dày 40cm nhằm tăng hiệu quả lọc cặn, khử mùi và đồng thời ổn định độ pH của nguồn nước từ 6,5-8. Ngăn thứ 03 có thể tích $0,32 \text{ m}^3$ được bố trí sỏi kích thước nhỏ để lắng cặn và ổn định dòng nước trước khi thoát ra ở cuối bể ra nguồn tiếp nhận là cống thoát nước chung của khu vực. Nước thải sau xử lý đạt cột B theo QCVN 40:2011/BTNMT.

Nước thải được bơm vào bề mặt ngăn chứa than hoạt tính, nước thải đi qua lớp than hoạt tính dày 40cm đến cuối bể. Ở đáy bể có bố trí khoảng hở thông qua ngăn thứ hai chứa mangan, nước thải chảy qua lớp mangan rồi chảy tràn qua ngăn lọc sỏi thứ ba ở cuối ngăn chứa mangan. Nước thải qua ngăn chứa đá sỏi để lắng cặn và ổn định dòng chảy trước khi thoát ra nguồn tiếp nhận bằng đường ống được bố trí ở cuối bể.

Than hoạt tính thường bị bão hòa sau 1 thời gian sử dụng do hấp thụ đủ các tạp chất, định kỳ 01 năm thì thay than hoạt tính và 02 năm thì thay mangan 1 lần, tương ứng với 120kg/năm đối với than hoạt tính và 350kg/2 năm đối với mangan.

2.2. Về công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn

2.2.1. Rác thải sinh hoạt

Khối lượng: Ước tính khối lượng rác phát sinh theo QCVN 01:2021/BXD trung bình phát sinh 0,8 kg/người.ngày. Đồng thời, ước tính khối lượng rác phát

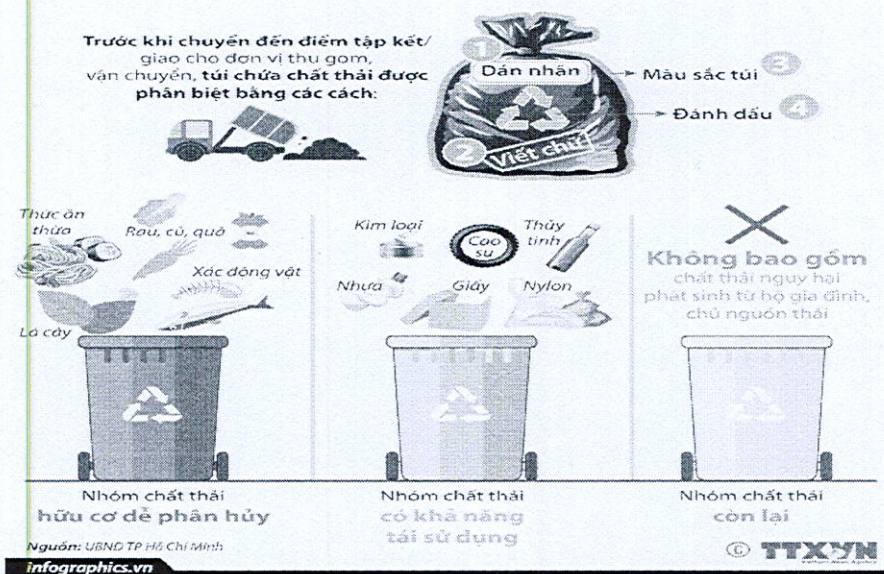
sinh cho công nhân không lưu trú (06 người) bằng 50% khối lượng định mức. Khối lượng rác sinh hoạt phát sinh tối đa tại dự án như sau: (14 người x 0,4 kg/người.ngày) + (02 người x 0,8 kg/người. ngày) = 7,2 kg/ngày.

- Quy mô, công suất, quy trình xử lý: Lượng rác sinh hoạt phát sinh chủ yếu là bao bì nilông, vỏ chai nước, hộp đựng thực phẩm, vỏ trái cây, thức ăn thừa... do công nhân sử dụng trong giờ nghỉ ngơi. Công ty yêu cầu công nhân làm việc phân loại rác tại nguồn theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Cụ thể: Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh được phân thành 03 nhóm sau:

Nhóm 1: Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế;

Nhóm 2: Chất thải thực phẩm;

Nhóm 3: Chất thải rắn sinh hoạt khác.



Hình 7. Hướng dẫn phân loại rác sinh hoạt tại nguồn

Chủ dự án bố trí 03 thùng chứa rác sinh hoạt, dung tích 15 lít, có nắp đậy và có ghi rõ loại rác thu gom được bố trí tại dự án và thuê đơn vị thu gom rác địa phương đến thu gom và xử lý.

2.2.2. Chất thải rắn sản xuất

Chất thải rắn sản xuất bao gồm:

- Các loại bao bì hỏng, lỗi không sử dụng được thải bỏ: 04 kg/ngày;
- Trái cây bị hỏng, không đạt yêu cầu: ước tính 90 kg/ngày.
- Rô nhựa, baleet bị hỏng: phát sinh rất ít, ước tính 5,0 kg/tháng.

- Than hoạt tính và mangan từ bể xử lý nước thải: than hoạt tính 120kg/năm, mangan 350kg/2 năm.

- Các loại chất thải phát sinh đều là rác thải thông thường không nguy hại nên Công ty trang bị thùng rác dung tích 120 lít, có nắp đậy để thu gom và hợp đồng với đơn vị thu gom địa phương thu gom, xử lý đúng quy định (tần suất 01 lần/ngày, không lưu chứa tại dự án). Phần than hoạt tính và mangan khi thay ra sẽ cho vào bao để đơn vị thu gom. Công ty hợp đồng với đơn vị đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý đúng quy định theo Thông tư 02/2022/TT-BTNMT và Nghị định 08/2022/NĐ-CP. Riêng trái cây không đạt yêu cầu thì bán lại với giá rẻ cho người dân địa phương, phần hư hỏng thì thu gom vào thùng rác.

Đối với rô nhựa, baleet hỏng, vỡ thì được thu gom lại vào bao chứa định kỳ bán cho đơn vị thu mua phế liệu.

2.2.3. Chất thải nguy hại:

- Khối lượng: Dự án hoạt động không phát sinh chất thải nguy hại từ quá trình sản xuất, chủ yếu là chất thải nguy hại như quy mô hộ gia đình, bao gồm: pin, ắc quy đã qua sử dụng, bóng đèn huỳnh quang cũ, vỏ chai lọ đựng hóa chất nguy hại (chai xịt côn trùng, nước tẩy rửa...), chất thải điện tử, mực in văn phòng. Khối lượng ước khoảng 10 kg/năm.

- Quy mô, công suất, quy trình xử lý:

Thành phần chất thải nguy hại và khối lượng ước tính phát sinh trong quá trình hoạt động của dự án như sau:

Bảng 5. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh khi dự án hoạt động

Stt	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Ký hiệu chất thải	Tính chất nguy hại chính	Khối lượng (Kg/năm)
1	Mực in văn phòngthải	08 02 06	Rắn	TT	-	1,0
2	Hộp chứa mực in văn phòngthải	08 02 08	Rắn	TT	-	1,0
3	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tínhthải	16 01 06	Rắn	NH	Đ, ĐS	0,5
4	Pin, ắc quy thải	16 01 12	Rắn	NH	Đ, S, AM	0,5

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Nhà máy trái cây sạch T & H”
 Chủ dự án: Công ty TNHH Nông sản sạch T & H

5	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có các linh kiện điện tử	16 01 13	Rắn	NH	Đ, ĐS	5,0
6	Bao bì cứng thải bằng kim loại bao gồm cả bình chứa áp suất bảo đảm rỗng hoàn toàn	18 01 02	Rắn	KS	Đ, ĐS	2,0
Tổng cộng (kg/năm)						10

Chất thải này được công ty thu gom vào thùng chứa chất thải nguy hại có thể tích 120 lít, có nắp đậy, dán nhãn “Chất thải nguy hại” được bố trí ở khu vực chung với thùng rác thải rắn sản xuất thông thường. Khu vực này đảm bảo không bị mưa tạt, gió lùa, nền chống thấm. Công ty hợp đồng với đơn vị đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý đúng quy định theo Thông tư 02/2022/TT-BTNMT và Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

2.3. Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung, bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật về môi trường

Tiếng ồn: chủ yếu từ quá trình trao đổi giữa người lao động với nhau, tiếng ồn còn phát sinh do các phương tiện vận chuyển.

- Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

+ Các phương tiện vận chuyển phải được bảo dưỡng định kỳ. Hạn chế sử dụng phương tiện vận chuyển vào giờ cao điểm;

+ Nhắc nhở, phổ biến nội quy lao động như không nói chuyện lớn tiếng, hoạt động nhẹ nhàng, không đùa giỡn trong khi làm việc.

Độ rung: Các máy móc, thiết bị sử dụng không gây rung chấn mạnh ảnh hưởng đến xung quanh.

2.4. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành

Dự án khi đi vào vận hành thử nghiệm và hoạt động ổn định có khả năng gặp sự cố cháy và tai nạn lao động. Chủ dự án đề xuất phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố như sau:

2.4.1. Sự cố cháy:

- Thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục thẩm duyệt thiết kế về Phòng cháy chữa cháy và gửi hồ sơ đến cơ quan quản lý về PCCC cấp Giấy chứng nhận thẩm duyệt PCCC.

- Bố trí hệ thống báo cháy, chữa cháy tự động, hệ thống chống sét và bình chữa cháy cầm tay theo quy định.

- Phối hợp với cơ quan quản lý PCCC chuyên môn tổ chức tập huấn cho công nhân theo quy định.

- Thiết bị điện được tính toán với công suất có phụ tải dự phòng, đảm bảo đủ cường độ dòng điện và lắp đặt thiết bị bảo vệ quá tải. Dây dẫn điện được bao che bên ngoài. Bố trí hộp che chắn, bảo vệ các Motor điện để hạn chế bụi bám vào và an toàn cho công nhân vận hành.

Bố trí công nhân thường xuyên kiểm tra, vệ sinh định kỳ. Nghiêm cấm hút thuốc và quăng tàn thuốc xung quanh. Kiểm tra hệ thống đường dây điện, máy móc thiết bị tránh hỏng hóc phát sinh ma sát gây cháy nổ. Ngoài ra, bố trí hệ thống cảnh báo và chữa cháy theo quy định nên hạn chế đến mức thấp nhất khả năng xảy ra cháy nổ.

2.4.2. Sự cố tai nạn lao động

- Trang bị bao tay thực phẩm cho công nhân.

- Vệ sinh (quét dọn) nền sàn khu vực chứa nguyên liệu, thành phẩm tránh trơn trượt, đổ ngã.

Sắp xếp các thùng hàng, nguyên liệu ngay ngắn, đảm bảo độ cao, khoảng cách an toàn.

2.5. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

Các công trình bảo vệ môi trường, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án và kế hoạch (tiến độ) xây lắp công trình được tổng hợp ở bảng dưới đây:

Bảng 6. Danh mục công trình, biện pháp BVMT của dự án

Stt	Công trình, biện pháp BVMT	Tiến độ thực hiện	Ghi chú
1	Bể tự hoại 03 ngăn 12 m ³	Đã có	Đã xây dựng
2	Thùng chứa rác sinh hoạt: 03 thùng loại 15 lít có dán nhãn phân loại	Trước khi vận	Mua mới
3	Thùng chứa rác sản xuất: 01 thùng loại 120 lít, có dán nhãn phân loại		

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Nhà máy trái cây sạch T & H”
 Chủ dự án: Công ty TNHH Nông sản sạch T & H

4	Thùng chứa CTNH: 01 thùng loại 120 lít, có dán nhãn cảnh báo. Hợp đồng đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý đúng quy định	hành thử nghiệm	100%
5	Hệ thống xử lý nước thải	Đã trang bị	Mới 100%

Bảng 7. Tóm tắt dự toán kinh phí đối với từng công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

Stt	Danh mục	Đơn giá (đồng)	Số lượng	Thành tiền
1	Thùng rác sinh hoạt loại 15 lít	70.000	03	210.000
2	Thùng rác sản xuất loại 120 lít	600.000	01	600.000
3	Thùng CTNH loại 120 lít	600.000	01	600.000
4	Hệ thống xử lý nước thải	10.000.000	01	10.000.000
Tổng cộng				11.410.000

Công ty giao trực tiếp nhiệm vụ vận hành, theo dõi, giám sát bể xử lý nước thải và công tác bảo vệ môi trường của nhà máy cho 01 lao động phụ trách quản lý tại dự án.

Giám đốc: Chịu trách nhiệm quản lý chung, theo dõi công tác bảo vệ môi trường của dự án trong suốt quá trình hoạt động của dự án.

Ngoài ra công ty sẽ có hướng dẫn cho các lao động tại xưởng quản lý chất thải đúng quy định, đảm bảo công tác phân loại rác tại nguồn theo quy định của Luật BVMT năm 2020.

3. Nhận xét mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo

Các phương pháp đánh giá được sử dụng trong báo cáo của dự án là những phương pháp được áp dụng phổ biến theo các hướng dẫn của cơ quan quản lý và đã được áp dụng trong thời gian qua với độ tin cậy phù hợp với điều kiện thực tiễn tại khu vực, vì vậy mức độ tin cậy là khá cao.

Các nguồn phát sinh chất thải từ hoạt động dự án cũng đã được liệt kê đầy đủ theo quy định.

Chương V

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:

- Nguồn phát sinh nước thải:

+ Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh.

+ Nguồn số 02: Nước thải sản xuất phát sinh từ dây chuyền rửa trái cây của dự án.

Lưu lượng xả nước thải tối đa:

+ Nước thải sinh hoạt: 0,9 m³/ngày.

+ Nước thải sản xuất: 9,1 m³/ngày.

Số lượng dòng nước thải đề nghị cấp phép: 01 dòng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:

+ Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Kq=1,0; Kf=1,0). Cụ thể các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn như bảng dưới đây:

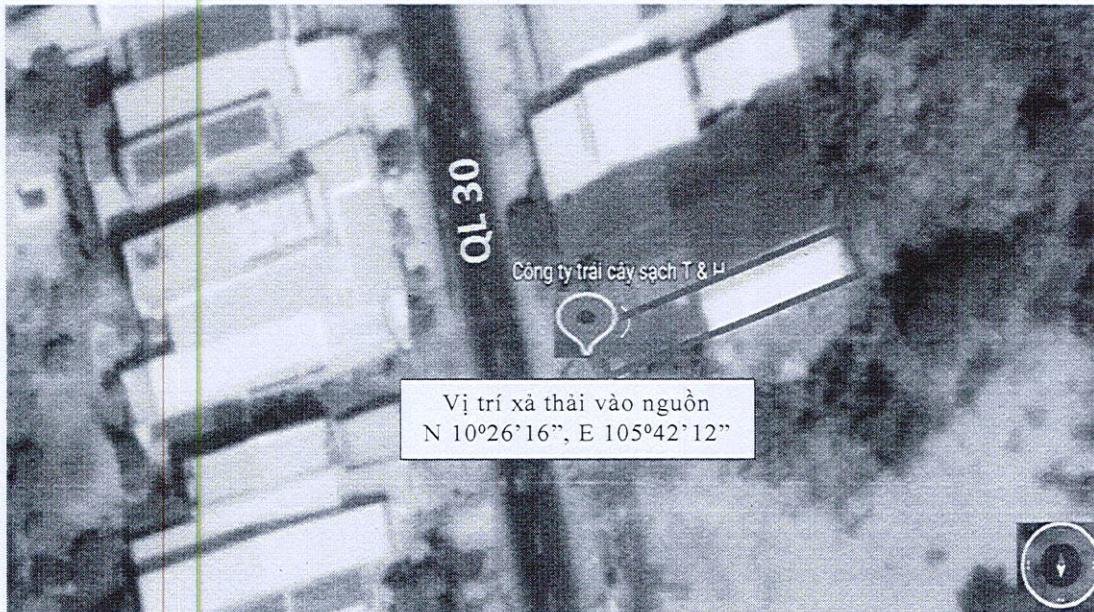
Bảng 8. Các chất ô nhiễm trong nước thải sản xuất và giá trị giới hạn

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị
1	pH	-	5,5 – 9
2	Chất rắn lơ lửng	mg/l	150
3	BOD ₅	mg/l	50
4	COD	mg/l	150
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	10
6	Tổng Nito	mg/l	40
7	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	6,0
8	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10
9	Sunfua	mg/l	0,5
10	Coliform	MPN/ 100ml	5.000

- Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:

+ Vị trí xả thải: 01 điểm xả nước thải ra nguồn tiếp nhận là hệ thống thoát

nước chung của khu vực tại thị trấn Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
Tọa độ vị trí xả thải: N 10°26'16", E 105°42'12".



Hình 8. Vị trí xả thải vào nguồn tiếp nhận của dự án

+ Phương thức xả thải, nguồn tiếp nhận nước thải: Tự chảy sau khi xử lý đạt chuẩn theo quy định về nước thải công nghiệp.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:

Đặc trưng đối với hoạt động của dự án không phát sinh khí thải, bụi nên chủ dự án chỉ theo dõi, giám sát thường xuyên hoạt động của nhà máy đảm bảo không ảnh hưởng đến môi trường xung quanh. Do đó, công ty Không đề nghị cấp phép đối với khí thải.

Chương VI

KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

T T	Công trình xử lý chất thải	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Công suất dự kiến
1	Bể xử lý nước thải: - Công suất thiết kế 10 m ³ /ngày.đêm. - Chất lượng nước thải sau xử lý: Cột B QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp. - Nguồn tiếp nhận nước thải sau xử lý: cống thoát nước chung của khu vực	15/02/2023	15/03/2023	50%
2	Xử lý rác thải sinh hoạt: Hợp đồng với DOWASEN- Chi nhánh dịch vụ môi trường	15/12/2022	Suốt thời gian hoạt động	50%
3	Xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường: Hợp đồng với Công ty TNHH Tiến Phát	15/12/2022		50%
4	Xử lý chất thải nguy hại: Hợp đồng với Công ty TNHH Tiến Phát	15/12/2022		50%

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý các công trình, thiết bị xử lý chất thải

Thực hiện theo quy định tại khoản 5, Điều 21, Thông tư 02/2022/ TT-BTNMT, dự án không thuộc trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này, việc quan trắc chất thải do chủ dự án đầu tư tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

Công ty đề xuất kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý các công trình, thiết bị xử lý chất thải như sau:

1.2.1. Đối với nước thải

** Nước thải sản xuất:*

- Vị trí thu mẫu: sau hệ thống xử lý nước thải trước khi thải ra nguồn tiếp nhận là cống thoát nước chung khu vực.

- Thời gian dự kiến lấy mẫu: (3 ngày liên tiếp, 01 ngày/lần)

Lần 1: Ngày 22 tháng 02 năm 2023.

Lần 2: Ngày 23 tháng 02 năm 2023.

Lần 3: Ngày 24 tháng 02 năm 2023.

- Phương pháp đo đạc, lấy mẫu và phân tích: Phương pháp xác định giá trị các thông số ô nhiễm trong nước thải được thực hiện theo đúng hướng dẫn tại QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

- Thông số quan trắc: pH, chất rắn lơ lửng, BOD₅, COD, Amoni (tính theo N), Tổng Nitơ, tổng phốt pho (tính theo P), tổng dầu mỡ khoáng, sunfua và Coliform.

** Nước thải sinh hoạt:* do nước thải sinh hoạt được xử lý bằng bể tự hoại dạng tự thấm, không có đường ống xả thải ra môi trường nên chủ dự án không thể quan trắc nước thải sinh hoạt định kỳ.

1.2.2. Đối với khí thải

Đặc trưng đối với hoạt động của dự án không phát sinh khí thải, bụi nên chủ dự án chỉ theo dõi, giám sát thường xuyên hoạt động của nhà máy đảm bảo không ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

- Quan trắc khí thải: Dự án không thuộc đối tượng được quy định phải quan trắc khí thải định kỳ theo khoản 2, điều 98, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Quan trắc nước thải sản xuất:

Dự án không thuộc đối tượng được quy định phải quan trắc nước thải định kỳ theo khoản 2, điều 97, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Quan trắc chất thải nguy hại

+ Vị trí: 01 điểm tại khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, tần suất: 06 tháng/lần.

+ Thông số giám sát: khối lượng CTNH phát sinh; lịch thu gom, công tác lưu giữ, xử lý CTNH; Số lượng của các thùng chứa CTNH, hợp đồng với đơn vị đủ chức năng thu gom, xử lý CTNH.

+ Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: Thông tư 02/2022/TT-BTNMT.

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải: Dự án đầu tư

không thuộc đối tượng thực hiện quan trắc tự động, liên tục chất thải.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm: Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm trung bình khoảng 4.000.000 đồng.

CHƯƠNG VII CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Chủ dự án: Công ty TNHH nông sản sạch T & H cam kết thực hiện tốt các nội dung sau:

1. Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường: Chủ đầu tư cam kết tất cả số liệu và nội dung được trình bày trong quá trình thực hiện báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án là hoàn toàn chính xác, trung thực theo đúng thực tế và hiện trạng hoạt động của dự án.

2. Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường

Trong quá trình hoạt động, Chủ đầu tư cam kết thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường nhằm đảm bảo xử lý các nguồn gây ô nhiễm đạt các quy chuẩn bảo vệ môi trường tương ứng trong suốt quá trình hoạt động:

- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp;

- QCVN 05:2013/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;

- QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

- QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung;

- Thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ công tác quản lý CTR-CTNH.

- Cam kết thu gom, phân loại và hợp đồng với đơn vị đủ chức năng xử lý các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp và chất thải nguy hại, đảm bảo tuân thủ các quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

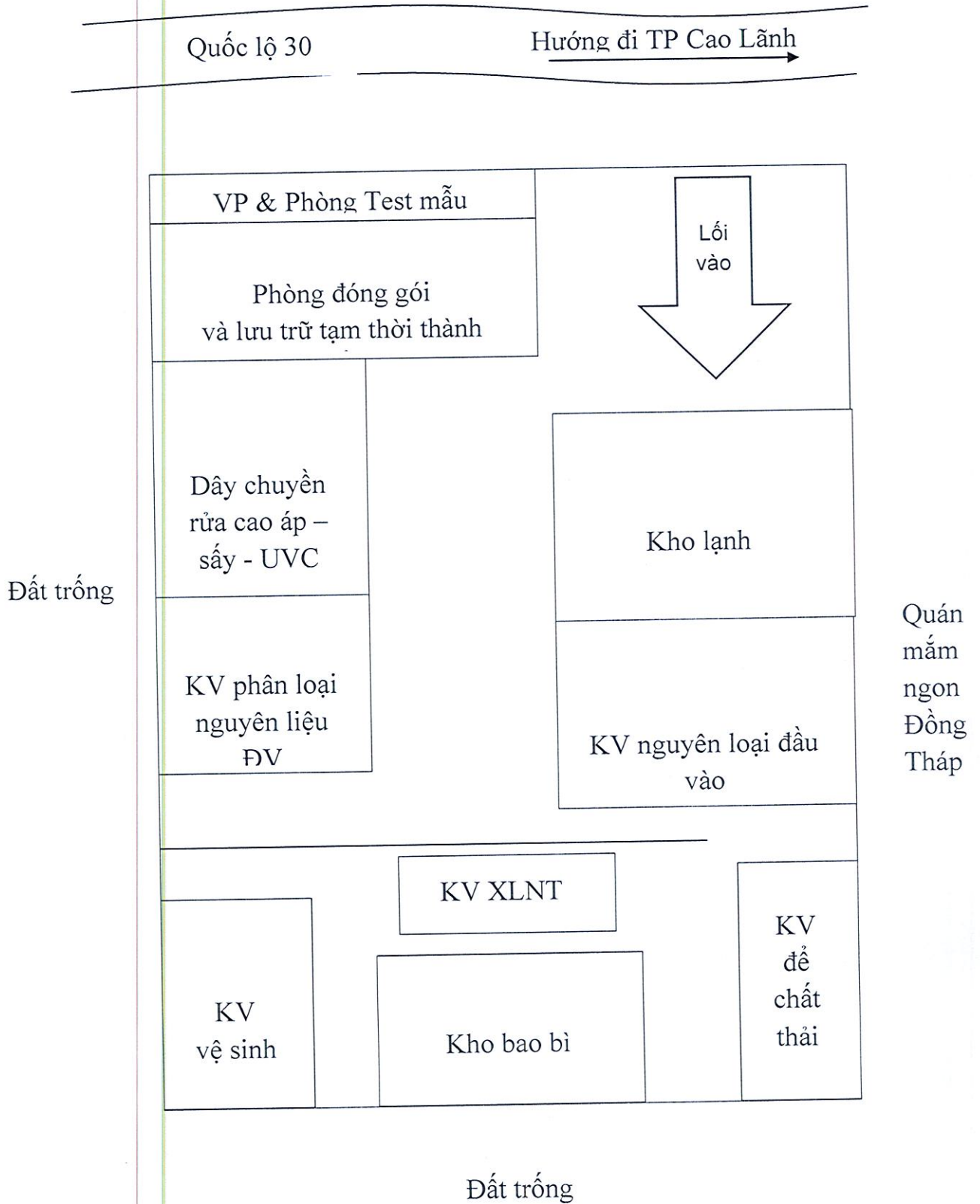
- Cam kết thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường định kỳ như đã nêu trong báo cáo đề xuất giấy phép môi trường, lưu giữ số liệu để phục vụ công tác kiểm tra của cơ quan chức năng.

Trong quá trình hoạt động, Chủ đầu tư cam kết sẽ thực hiện chương trình quản lý và kiểm soát ô nhiễm môi trường như đã trình bày trong chương 6 và báo cáo định kỳ cho phòng Quản lý Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp.

Thực hiện các yêu cầu của báo cáo và Giấy phép Môi trường của Cơ Sở trong quá trình hoạt động.

PHỤ LỤC

* Sơ đồ mặt bằng tổng thể dự án “Nhà máy trái cây sạch T & H”



**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 1402180114

Đăng ký lần đầu: ngày 22 tháng 08 năm 2022

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH NÔNG SẢN SẠCH T&H

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số 389, Nguyễn Trãi, Khóm Mỹ Tây, Thị Trấn Mỹ Tho, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

Điện thoại: 0919 797908

Fax:

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ

1.500.000.000 đồng

Bằng chữ: Một tỷ năm trăm triệu đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Họ và tên: LÊ QUỐC TRUNG

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 01/01/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 087086020671

Ngày cấp: 09/08/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: *Ấp Mỹ Hưng Hòa, Xã Mỹ Xương, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số 005, Nguyễn Văn Phói, Khóm Mỹ Tây, Thị Trấn Mỹ Tho, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam*

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

HỢP ĐỒNG THUÊ NHÀ

Cao Lãnh, ngày 01 tháng 03 năm 2022

Chúng tôi thống nhất hợp đồng thuê nhà với nội dung như sau

I-BÊN CHO THUÊ NHÀ (Bên A):

-Ông: **NGUYỄN XUÂN KHOA**

Sinh năm : 1962

-CCCD số: 087062000266 Ngày cấp: 14/04/2021 Nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH.

-Hộ khẩu thường trú tại: Tổ 9, khóm 1, phường 4, TP. Cao lãnh, Đồng Tháp

Là chủ sở hữu căn nhà số 389 Nguyễn Trãi, khóm Mỹ Tây, TT Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp.

II-BÊN THUÊ NHÀ (Bên B):

-Ông: **LÊ QUỐC TRUNG**

Sinh năm: 1986

-CCCD số: 087086020671 Ngày cấp: 09/08/2021 Nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH.

-Hộ khẩu thường trú tại: Ấp Hưng Hòa, Xã Mỹ Xương, huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp.

Hai bên cùng nhau ký kết hợp đồng thuê nhà với nội dung như sau:

ĐIỀU 1: Bên A đồng ý cho bên B thuê toàn bộ căn nhà số 389 Nguyễn Trãi, khóm Mỹ Tây, TT Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp. Diện tích căn nhà là ngang 6m x dài 25m.

Mục đích thuê: Kinh doanh tự do.

ĐIỀU 2: Thời hạn cho thuê nhà là ba (03) năm, bắt đầu từ ngày **15/03/2022** đến ngày **15/03/2025**.

ĐIỀU 3: Giá thuê nhà là:

-Năm thứ nhất (từ ngày 15/03/2022 đến ngày 15/03/2023) giá thuê là: 5.000.000 đồng/tháng (*Năm triệu đồng một tháng*).

-Năm thứ hai (từ ngày 15/03/2023 đến ngày 15/03/2024) giá thuê là: 5.500.000 đồng/tháng (*Năm triệu năm trăm ngàn đồng một tháng*).

-Năm thứ ba (từ ngày 15/03/2024 đến ngày 15/03/2025) giá thuê là: 6.050.000 đồng/tháng (*Sáu triệu không trăm năm chục ngàn đồng một tháng*).

Giá thuê nhà không bao gồm chi phí sử dụng điện, nước, điện thoại....). Thuế cho thuê nhà Bên B chịu trách nhiệm nộp thuế cho Nhà nước.

Phương thức thanh toán:

- Sau khi ký hợp đồng bên B sẽ giao tiền cọc cho bên A số tiền là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*). Số tiền này bên A sẽ trả lại cho bên B sau khi hết hợp đồng. Nếu bên B đơn phương chấm dứt hợp đồng thì bên A sẽ giữ lại số tiền này. Còn bên A đơn phương chấm dứt hợp đồng thì phải trả lại tiền cọc và bồi thường cho bên B số tiền bằng số tiền cọc là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*).

- Trả tiền một lần 01 tháng trước khi sử dụng nhà sau đó.

- Trả bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

ĐIỀU 4: Quyền hạn và nghĩa vụ của hai bên:

1/- **Quyền hạn và nghĩa vụ của Bên A:**



**BIÊN BẢN KIỂM TRA
VỀ PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY**

Hồi 9 giờ 00 phút, ngày 30 tháng 08 năm 2022, tại Công ty TNHH nông sản sạch T & H.

Địa chỉ: Số 389, Nguyễn Trãi, khóm Mỹ Tây, TT. Mỹ Thọ, H. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

I. Đại diện Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH Công an tỉnh Đồng Tháp:

1. Ông: **Nguyễn Quốc Tấn** - Cấp bậc: Đại úy; Chức vụ: Cán bộ Đội Công tác phòng cháy;

Đã tiến hành kiểm tra đối với: Công ty TNHH nông sản sạch T & H.

II. Đại diện Cơ sở:

1. Ông: **Lê Quốc Trung** - Chức vụ: Giám đốc.

Tình hình và kết quả kiểm tra như sau:

I. Tình hình chung tại cơ sở: Cơ sở được thành lập ngày 22/8/2022 (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên; MSDN: 1402180114, đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 08 năm 2022). Cơ sở có diện tích xây dựng (6m x 25m = 150 m²) bố trí các khu vực gồm phòng làm việc; phòng đóng gói; kho lạnh; khu vực bố trí máy rửa nông sản. Nhân sự ở cơ sở đến thời điểm hiện tại 04 thành viên.

- Cơ sở có lập hồ sơ quản lý công tác PCCC tại chỗ theo quy định.

II. Kiểm tra thực tế tại cơ sở:

- Trang bị phương tiện chữa cháy ban đầu: Trang bị 01 bình MT5; 01 bình MFZ8 qua kiểm tra dụng cụ PCCC còn tác dụng.

- Có tiến hành niêm yết nội quy PCCC và tiêu lệnh PCCC tại cơ sở nơi dễ đọc, dễ thấy nhằm gây ý thức cho mọi người về công tác PCCC.

